

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ LƠ KU **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ~~142~~BC-UBND

Lơ Ku, ngày 16 tháng 9 năm 2019

BÁO CÁO
Kết quả triển khai thực hiện xây dựng NTM năm 2019.

Căn cứ Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 13/2/2019 của UBND huyện Kbang về việc giao kế hoạch duy trì đạt chuẩn và thực hiện các tiêu chí NTM năm 2019 trên địa bàn huyện Kbang.

Thực hiện Công văn số 1238/Cv-UBND ngày 04/9/2019 của UBND huyện Kbang về việc Báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ xây dựng Nông thôn mới năm 2019. Ủy ban nhân dân xã Báo cáo kết quả triển khai thực hiện cụ thể như sau.

1. Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí số 19:

Đã hoàn thành tiêu chí số 19.

2. Kết quả và giải pháp hoàn thành sửa chữa, nâng cấp 85 nhà tạm và vận động hỗ trợ xây dựng 80 nhà vệ sinh.

2.1 Kết quả triển khai xóa nhà tạm:

Đến thời điểm hiện nay đã có 11/85 hộ triển khai làm nhà mới. Trong đó: Thôn 2: 3 hộ, làng Đăk Kjong 7 hộ, Kbon 1 hộ.

Nguyên nhân:

Do điều kiện kinh tế của các hộ dân còn gặp rất nhiều khó khăn, thời tiết nắng hạn kéo dài gây mất mùa nghiêm trọng, giá các mặt hàng nông sản (chủ lực là cây Mía) trong 2 năm nay xuống thấp nên giảm nguồn thu nhập của nhân dân.

Chưa có nguồn lực để hỗ trợ cho hộ nghèo, cận nghèo để xóa nhà tạm nhà dột nát.

Giải pháp:

Trong thời gian tới huy động các nguồn lực và tuyên truyền vận động nhân dân tiếp tục triển khai theo kế hoạch giao.

2.2 Tình hình triển khai thực hiện đối với nhà vệ sinh:

Hiện nay đang triển khai thực hiện. Đã có 38 hộ dân là hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số đăng ký làm nhà vệ sinh.

Nguồn lực:

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của Ủy ban nhân dân huyện kbang về việc giao vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019. Xã Lơ Ku được giao 85.000.000 đ vốn để triển khai thực hiện vệ sinh môi trường nông thôn.

Giải pháp:

Trên cơ sở rà soát cụ thể từng hộ dân đăng ký. Căn cứ kinh phí UBND xã xây dựng kế hoạch phân bổ vốn hỗ trợ cho hộ nghèo, cận nghèo làm nhà vệ sinh trong năm 2019.

3. Kết quả xây dựng làng Nông thôn mới:

3.1 Kết quả thực hiện công tác dân vận giữa UBND xã và Lữ đoàn PB 368:

- Trong thời gian từ ngày 16/7/2019 đến ngày 31/7/2019 Lữ đoàn Pháo binh 368 đã tổ chức cho 36 Cán bộ, chiến sỹ làm công tác dân vận trên địa bàn xã Lơ Ku. Đơn vị đã phối hợp với UBND xã tiến hành di dời làm mới nhà sàn cho đồng bào theo quy hoạch làng nông thôn mới tại làng ĐăkKjông. Kết quả là đã di dời và xây dựng được 07 ngôi nhà sàn.

- Huy động nhân dân đóng góp hơn 289 ngày công của nhân dân, đoàn viên các chi đoàn cùng với cán bộ chiến sỹ để nạo vét kênh mương, nạo vét nước sinh hoạt, xúc cát, lợp tôn, di dời nhà cũ, làm nhà mới, phát quang bụi rậm.....

Giải pháp trong 3 tháng cuối năm:

Tiếp tục triển khai vận động nhân dân di dời và làm mới 4 nhà còn lại.

3.2 Kết quả huy động nguồn lực xây dựng làng Nông thôn mới.

Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch giao UBND xã đã huy động sự giúp đỡ của các Doanh nghiệp với tổng kinh phí 120.000.000đ, cụ thể:

- Công ty TNHH thí nghiệm và xây dựng Thành Đô: Hỗ trợ tiền mặt: 50.000.000đ; Hỗ trợ nhân lực, vật lực để san gạt mặt bằng, thực hiện công tác xây dựng nhà trị giá 35.000.000đ.

- Công ty TNHH MTV Nam Hoàng: Hỗ trợ nhân lực, vật lực để san gạt mặt bằng, thực hiện công tác xây dựng nhà trị giá 35.000.000đ.

Giải pháp:

Từ nay đến cuối năm UBND xã sẽ tích cực vận động các doanh nghiệp hỗ trợ và giúp đỡ hoàn thành 4 nhà còn lại trong công tác xây dựng làng Nông thôn mới với kinh phí dự kiến 50.000.000đ.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng Nông thôn mới năm 2019 của UBND xã Lơ Ku ./.

*** Nơi nhận:**

- VPĐPXDNTM;
- TT Đảng ủy; HĐND; UBND xã (báo cáo);
- Các ban ngành đoàn thể;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Hồ Xuân Dương

Đã cáo số 44 /BC-UBND ngày 16 / 9 /2019 của UBND xã Lor Ku)

142 / BC-UBND ngày 16 / 9 / 2019 của UBND xã Lo Ku)



I	QUY HOÀCH		
---	-----------	--	--

1	Quy hoạch	1.1. Thôn, làng xây dựng nông thôn mới phải nằm trong không gian quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã; vị trí địa lý, ranh giới của thôn, làng phải phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới được duyệt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
		1.2. Các công trình giao thông, văn hóa, phúc lợi ở thôn, làng cần phải được quy hoạch, có quỹ đất và được cắm mốc	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt

II	HẠ TẶNG KINH TẾ - XÃ HỘI	
----	--------------------------	--

2	Giao thông	2.1. Đường từ trung tâm xã đến thôn, làng nông thôn mới được nhựa hóa, bê tông hóa đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100%		7,3/7,3 km đạt 100%	Đạt
		2.2. Đường trục thôn, làng; đường liên thôn, làng được bê tông hóa, nhựa hóa	≥ 70%	100%	0,4/0,4 km đạt 100%	Đạt
		2.3. Đường nội thôn, làng phải sạch sẽ, không lầy lội vào mùa mưa, được cứng hóa và kết nối với đường trục xã	≥ 50% cứng hóa	≥ 80% cứng hóa	còn 605 m lầy lội vào mùa mưa	Chưa đạt
		2.4. Đường ra khu sản xuất đi lại thuận tiện, không lầy lội vào mùa mưa và được cứng hóa	≥ 70% cứng hóa	≥ 80% cứng hóa	0,5/6,5km cứng hóa đạt 7,6%	Đạt
3	Thủy lợi	Nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn: Các hộ dân trong thôn, làng đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn	Đạt		Đạt	Đạt
4	Điện	Tỷ lệ hộ trong thôn, làng được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện ≥ 98%	Đạt		Đạt	Đạt
5	Trường Học	Trường/điểm trường mầm non, mẫu giáo trong thôn, làng có đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học theo đúng quy định. Có các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, hệ thống nước sinh hoạt, hàng rào, cổng	Đạt		Đạt	Đạt

6	Cơ sở vật chất văn hóa	Thôn, làng phải có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phù hợp với thiết chế văn hóa truyền thống của từng dân tộc. Nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao của thôn, làng phải có diện tích quy hoạch, quy mô xây dựng phù hợp; có hệ thống âm thanh, trang thiết bị, các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, hàng rào, cổng,...; có Ban Chủ nhiệm điều hành hoạt động, được nhà nước hỗ trợ kinh phí để tổ chức và duy trì thường xuyên, hoạt động văn hóa, thể thao theo quy định	Đạt		Chưa đạt	Chưa đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại	Thôn, làng phải có ít nhất 01 điểm mua bán trao đổi hàng hóa. UBND cấp huyện quy định cụ thể về điểm mua bán trao đổi hàng hóa theo quy định để thực hiện trên địa bàn	Đạt		Đạt	Đạt
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Thôn, làng được phủ sóng điện thoại và có thể truy nhập internet	Đạt		Đạt	Đạt
		8.2. Có hệ thống loa phát thanh, tất cả các hộ gia đình có thể nghe được các nội dung phát thanh hàng ngày	Đạt		Đạt	Đạt
9	Nhà ở và khuôn viên hộ gia đình	9.1. Trong thôn, làng không có nhà tạm, dột nát; hệ thống nhà ở trong thôn, làng phải đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung cứng, mái cứng), đảm bảo diện tích ở tối thiểu đạt 10 m2/người trở lên, có các công trình phụ trợ như bếp, nhà vệ sinh, ... được bố trí đảm bảo vệ sinh môi trường, thuận tiện.	Đạt		4/73 nhà tạm chiếm 5,47%	Chưa đạt
		9.2. Nhà ở, vườn hộ phải được bố trí ngăn nắp, khoa học. Vườn hộ được trồng các loại cây có mang lại thu nhập cho người dân	Đạt		còn 8 nhà tạm chưa đc bố trí ngăn nắp	Chưa đạt
		9.3. Khuôn viên nơi ở của các hộ gia đình được chỉnh trang ngăn nắp, có cổng, ngõ, hàng rào; cải tạo vườn tạp, dọn cỏ dại quanh nhà, trồng cây xanh; thu gom chôn lấp rác thải, nước thải tạo cảnh quan môi trường nơi ở xanh - sạch - đẹp	Đạt		Chưa đạt	Chưa đạt
		9.4. Khuyến khích phát triển loại nhà ở truyền thống, kiến trúc nhà ở đặc thù của từng địa phương	Đạt		Đạt	Đạt
		9.5. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng	≥ 75%	≥ 85%	69/73 nhà đạt 94,5%	Đạt
III KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT						
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người giai đoạn 2019-2020	Năm 2019: 38 tr.đồng Năm 2020: 41 tr.đồng	Năm 2019: 40tr.đồng Năm 2020: 45 tr.đồng	Chưa đạt	Chưa đạt
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤ 7%		14/73 hộ chiếm 19,75	Chưa đạt
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động của thôn, làng	≥ 90%		100%	Đạt

		13.1. Có Tổ hợp tác được thành lập theo đúng quy định và hoạt động có hiệu quả	Đạt		Đạt	Đạt
	Gỗ chức sản xuất	13.2 Có mô hình liên kết sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn, làng theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển du lịch cộng đồng	Đạt		Đạt	Đạt
IV	VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG					
14		14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở:			Đạt	Đạt
		- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi:			Đạt	Đạt
		+ Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến lớp	≥ 90%	≥ 90%	100%	Đạt
		+ Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non	≥ 80%	≥ 85%	100%	Đạt
		- Đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2:				
		+ Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt	≥ 90%	≥ 90%	100%	Đạt
		+ Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	≥ 70%	≥ 80%	100%	Đạt
		- Đạt phổ cập THCS mức độ 2: Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở	≥ 80%	≥ 90%	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở của thôn, làng được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề	≥ 70%		75%	Đạt
		14.3. Tỷ lệ lao động của thôn, làng có việc làm đã qua đào tạo nghề	≥ 25%		1005	Đạt
15	T Tế	15.1. Tỷ lệ người dân trong thôn, làng tham gia các loại hình bảo hiểm y tế	≥ 85%	≥ 90%	100%	Đạt
		15.2. Thôn, làng có 01 nhân viên y tế được đào tạo về chuyên môn y tế ít nhất 3 tháng và đang hoạt động.	Đạt		chưa được đào tạo	Chưa đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng	≥ 97%		100%	Đạt
		15.4. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi của thôn, làng bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤ 31,4%	≤ 30%	Đạt	Đạt
16	Văn hóa	Thôn, làng phải đạt chuẩn văn hóa theo quy định	Đạt		Chưa đạt	Chưa đạt
		17.1. Tỷ lệ hộ trong thôn, làng được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch	≥ 95% nước HVS và ≥ 50% nước		không có bể lắng lọc	Chưa đạt

17
Môi trường và
an toàn thực
phẩm

17.2. Các cơ sở sản xuất kinh doanh ở thôn, làng đều chấp hành đầy đủ thủ tục về môi trường	100%		Đạt	Đ
17.3. Các tuyến đường trong thôn, làng; nhà văn hóa, khu thể thao thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp	Đạt		Chưa đạt	Chưa đạt
17.4. Về nghĩa địa, khu vực chôn cất của thôn, làng: phải phù hợp với phong tục tập quán của địa phương; đảm bảo khoảng cách tối thiểu từ nghĩa địa đến khu dân cư trong thôn, làng tối thiểu là 100 m; trường hợp nghĩa địa của thôn, làng đã hình thành từ lâu đời không đảm bảo khoảng cách tối thiểu 100 m cần phải được cải tạo, nâng cấp có hàng rào ngăn, hệ thống cây xanh và mương thoát nước. Khuyến khích việc chôn cất tập trung; nghĩa địa có dải phân cách cây xanh để tạo mỹ quan và môi trường. Chất thải phát sinh từ các hoạt động ở nghĩa địa phải được thu gom, vận chuyển xử lý đảm bảo môi trường	Đạt		Chưa đạt	Chưa đạt
17.5. Thôn, làng có tổ thu gom rác thải hoặc 100% hộ gia đình có hố thu gom xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình, không còn tình trạng rác thải vứt bừa bãi ra ngoài môi trường; bao gói thuốc BVTV sau sử dụng được thu gom, xử lý đúng theo quy định	Đạt		Chưa đạt	Chưa đạt
17.6. Tỷ lệ hộ trong thôn, làng có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh	≥ 70%	≥ 80%	8/73 hộ chiếm 10,9%	Chưa đạt
17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường. Không còn tình trạng chăn nuôi dưới sàn.	≥ 60%	≥ 70%	8/73 hộ chiếm 10,9%	Chưa đạt
17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được phổ biến, hướng dẫn các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%	Đạt	Đạt
17.9. Thôn, làng có ít nhất 70% hộ hội viên, phụ nữ tham gia thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” và có mô hình “Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới”	Đạt		Đạt	Đạt
HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ - QUỐC PHÒNG - AN NINH				

18	Hệ thống chính trị, bình đẳng giới và tiếp cận pháp luật	18.1. Có đủ các tổ chức trong thôn, làng theo quy định (gồm Chi bộ, Ban công tác Mặt trận, Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội Nông dân, Chi hội Liên hiệp Phụ nữ, Chi đoàn Thanh niên). Kết quả phân loại Chi bộ thôn, làng hằng năm đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong thôn, làng hằng năm được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có Ban phát triển thôn, làng hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND cấp xã công nhận	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Có quy ước, hương ước thôn, làng được trên 95% người dân thông qua và cam kết thực hiện	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Có kế hoạch thực hiện từng tiêu chí hằng năm và cả giai đoạn trên cơ sở có sự tham gia của cộng đồng và được UBND cấp xã xác nhận, (bản kế hoạch giai đoạn 2018-2020 và lộ trình từng năm phải đánh giá đầy đủ hiện trạng thôn, làng; các nguồn nội lực của thôn, làng; dự toán kinh phí thực hiện trong đó có sự tham gia đóng góp của cộng đồng)	Đạt	Đạt	Đạt
		18.5. Có 100% phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số có nhu cầu, được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức. Không có trường hợp bị cưỡng ép kết hôn, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. Trong thôn, làng không có bạo lực gia đình	Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Nhân dân thôn, làng được tiếp cận pháp luật: trên 80% người dân được tuyên truyền, phổ biến, tiếp cận nội dung trọng tâm của các văn bản, chính sách pháp luật mới có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của người dân; được thông tin, định hướng các vấn đề được xã hội quan tâm; được tiếp nhận, khai thác và sử dụng có hiệu quả các tài liệu chuyên đề phổ biến giáo dục pháp luật do các cơ quan cấp tỉnh, huyện, xã cấp phát; thường xuyên lồng ghép chuyên đề pháp luật trong các buổi họp thôn, làng; tổ hòa giải ở cơ sở của thôn, làng được thành lập, thường xuyên kiện toàn và hoạt động có hiệu quả; 100% các vụ việc hòa giải ở cơ sở được tiếp nhận, giải quyết với trên 80% vụ việc được hòa giải thành.	Đạt	Đạt	Đạt
		19.1. Quốc phòng: lực lượng dân quân bố trí theo quy định, hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt

19	Quốc phòng và an ninh	19.2. An ninh: trật tự xã hội trên địa bàn thôn, làng bình yên: không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; không để hình thành, phục hồi các tổ chức phản động; không để xảy ra các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, người nghiện) được kiểm chế giảm so với năm trước; Công an viên, lực lượng an ninh thôn, làng được củng cố vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không vi phạm pháp luật, không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; Các mô hình, tổ chức quần chúng làm công tác đảm bảo ANTT tại thôn, làng hoạt động thường xuyên, có hiệu quả.	Đạt	Đạt	Đạt
----	-----------------------	---	-----	-----	-----